TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **665**/2026/QĐST- HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 341/2026/HNST ngày 26 tháng 02 năm 2026 về việc "Ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Như T, sinh ngày xx/xx/xxxx,

Căn cước số 027190xxxx30 cấp ngày xx/xx/xxxx,

Địa chỉ: 148/2A V, phường P, Thành phố H;

Bị đơn: Ông Võ Văn C, sinh ngày xx/xx/xxxx,

CCCD số 0680900xxxx74 cấp ngày xx/xx/xxxx,

Địa chỉ: 148/2A V, phường P, Thành phố H.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Bà Nguyễn Thị Như T, sinh ngày xx/xx/xxxx,

Căn cước số 027190000830 cấp ngày xx/xx/xxxx,

Địa chỉ: 148/2A V, phường P, Thành phố H;

- Ông Võ Văn C, sinh ngày xx/xx/xxxx,

CCCD số 0680900005074 cấp ngày xx/xx/xxxx,

Địa chỉ: 148/2A V, phường P, Thành phố H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Như T và ông Võ Văn C thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân theo Giấy Chứng nhận kết hôn số số 173 ngày 18/9/2015 của Ủy ban nhân dân phường T, Quận x (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh chấm dứt kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

2.2. Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Ngọc Khả H, sinh ngày 20/7/2016 và Võ Văn D, sinh ngày 27/5/2018. Bà Nguyễn Thị Như T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, Ông C cấp dưỡng nuôi mỗi trẻ 4.000.000 (bốn triệu) đồng/tháng/trẻ, bắt đầu thực hiện từ tháng 4/2026 đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án, thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thực hiện tương đương với thời gian chậm thi hành án.

Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở Ông C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp bà Ông C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì Bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội Liên hiệp phụ nữ; Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

2.3. Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Hai bên khai không có.

3. Về án phí: 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con do bà Nguyễn Thị Như T tự nguyện nộp, nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0009285 ngày 30/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP.H;
- VKSND Khu vực X;
- THADS Tp. H;
- UBND phường T, Thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN

Lê Ngọc N